

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **72/2023/DS-ST**
Ngày 26-7-2023
V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Ông Võ Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn M T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn M T: Anh **Nguyễn Đỗ N H**, sinh năm 1997, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền lập ngày 24/4/2023 tại Văn phòng công chứng Lâm Thị M N).

2. *Bị đơn:* Anh **Phan H K**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H có mặt tại phiên tòa; Anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/4/2023 và quá trình giải quyết**

vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn M T trình bày:

Anh Nguyễn M T và anh Phan H K là bạn bè, quen biết nhiều năm. Ngày 10/3/2022, anh Phan H K có hỏi vay của anh T số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay, có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất cho vay là 5%/tháng. Hợp đồng vay tiền do anh T viết và anh K có ký tên nhận nợ vào hợp đồng. Quá trình vay tiền, anh K có đóng được lãi cho anh T được 03 lần với số tiền là 90.000.000 đồng rồi không tiếp tục thanh toán nợ gốc, lãi cho đến nay. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh K thanh toán nợ gốc nhưng anh K không thực hiện.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phan H K phải hoàn trả số tiền vốn là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Phan H K đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Anh Nguyễn Đỗ N H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc anh Phan H K phải hoàn trả số tiền vốn là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Phan H K vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn M T yêu cầu anh Phan H K phải trả số nợ là 600.000.000 đồng; anh Phan H K có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, anh Phan H K vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Đỗ N H yêu cầu anh Phan H K phải trả cho anh Nguyễn M T số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do là chỗ bạn bè nhiều năm, nên ngày 10/3/2022, anh T có cho anh K vay số tiền 600.000.000, việc vay

mượn nợ có lập hợp đồng vay tiền và anh K có ký tên nhận nợ. Khi vay, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, tức là thời hạn trả nợ là ngày 11/9/2022. Tuy nhiên từ đó đến nay, dù anh T đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nợ với số tiền vốn gốc nhưng bị đơn không chịu trả nợ.

[3.1]. *Về đánh giá chứng cứ:* Anh Nguyễn M T khởi kiện anh Phan H K trả nợ gốc là 600.000.000 đồng. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án là “Hợp đồng vay tiền” ngày 10/3/2022 do anh Phan H K ký tên nhận nợ. Như vậy, anh T đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Trong vụ án này anh Phan H K đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, được tổng đạt các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và đã được triệu tập nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng anh K không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thông báo cho anh K biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn cũng tiếp tục không có ý kiến. Như vậy là anh K biết được việc nguyên đơn khởi kiện mình yêu cầu trả nợ nhưng anh K không có ý kiến là đã mặc nhiên thừa nhận nợ như trình bày, yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn M T và anh Phan H K đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Phan H K phải trả cho anh Nguyễn M T số tiền nợ là 600.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2]. *Về khoảng tiền lãi các bên tự thỏa thuận:* Theo nội dung “Hợp đồng vay tiền” ngày 10/3/2022, các bên không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất cho vay là 5%/tháng, quá trình vay nợ, anh K đã thanh toán cho anh T được 03 lần tiền lãi với số tiền là $30.000.000 \times 3 = 90.000.000$ đồng.

Tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Mức lãi suất các bên tự thỏa thuận miệng là 5%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, từ thời điểm hết thời hạn vay nợ

theo hợp đồng là ngày 11/9/2022 cho đến nay, anh K không thanh toán nợ gốc là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh T là 10,5 tháng, gây thiệt thòi về quyền lợi của anh T. Theo quy định thì lãi chậm trả nợ từ ngày 11/9/2022 đến ngày 26/7/2023 là $10,5 \text{ tháng} \times 1,67\% \times 600.000.000 \text{ đồng} = 105.210.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi do chậm trả nợ cao hơn số tiền lãi anh K đã thanh toán cho anh T là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu trả nợ gốc là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét việc bù trừ phần tiền lãi vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật vào số nợ gốc và thực tế bị đơn cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét bù trừ phần lãi suất vượt quá quy định nêu trên.

[3.3]. *Về phương thức trả nợ*: Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh K phải trả số tiền vốn một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh K đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Anh T đã yêu cầu anh K trả tiền nhiều lần nhưng anh K không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho phía nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử cần thiết buộc anh K phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền vốn theo thời gian yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4]. *Về án phí*: Anh Phan H K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 28.000.000 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn M T.

Buộc anh Phan H K phải trả cho anh Nguyễn M T số tiền là **600.000.000 đồng** (Sáu trăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn M T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi

hành án xong, hàng tháng anh Phan H K chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho anh Nguyễn M T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **14.000.000 đồng** (*Mười bốn triệu đồng*) theo biên lai thu số 0020084 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Phan H K phải chịu **28.000.000 đồng** (*Hai mươi tám triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn M T, anh Nguyễn Đỗ N H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Anh Phan H K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
 - + NĐ: Anh Nguyễn M T;
 - + BĐ: Anh Phan H K.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu